

# BIẾN ĐỔI VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÙNG TÂY NAM BỘ

Đinh Văn Thụy

Hoàng Thị Quyên

*Tóm tắt:* Bài viết tập trung phân tích biến đổi văn hóa trong phát triển đô thị vùng Tây Nam Bộ thông qua hai chiều cạnh biến đổi chính là: 1) Biến đổi trong cách thức tổ chức đời sống cộng đồng; 2) Biến đổi văn hóa tổ chức đời sống cá nhân. Kết quả nghiên cứu cho thấy người dân vùng Tây Nam Bộ trong quá trình đô thị hóa bên cạnh việc thay đổi các đặc trưng văn hóa xưa cũ, họ vẫn lưu giữ nhiều nét văn hóa của người Tây Nam Bộ truyền thống như tính cố kết cộng đồng, trọng tình nghĩa, tính thoáng mở.

*Từ khóa:* Biến đổi văn hóa; Phát triển đô thị; Tổ chức đời sống.

## 1. Biến đổi văn hóa - Khái niệm và cách thức đo lường

Khi nói đến biến đổi các nhà nghiên cứu thường đề cập đến những thay đổi, những khác biệt có thể quan sát và cảm nhận được của sự vật, sự việc trong một khoảng thời gian nhất định. Do đó khi nói đến biến đổi xã hội, Xã hội học coi đó là “một quá trình xã hội về những thay đổi trong cơ cấu của một hệ thống xã hội” (Gunter Endruweit và Gisela Trommsdorff, 2002, tr.27). Tuy nhiên, “không phải bất kỳ một thay đổi hay một sự khác biệt nào về cấu trúc xã hội cũng được coi là biến đổi xã hội. Một sự thay đổi phải đạt tới ngưỡng phân sai tức là đạt tới ngưỡng nhận biết được sự khác biệt, sự phân hóa giữa trạng thái trước và trạng thái sau của sự vật, hiện tượng mới có thể được gọi là sự biến đổi” (Lê Ngọc Hùng, 2015, tr.2). Do đó, khi đo lường sự biến đổi, người ta thường chỉ ra sự khác biệt, sự phân hóa của các sự vật, hiện tượng theo những mốc thời gian nhất định, nghĩa là nó phải có mốc thời gian và có những khác biệt được xét theo các tiêu chí nhất định

nào đó. Chuyên ngữ theo cách hiểu của nhóm tác giả thì biến đổi văn hóa là một khía cạnh của biến đổi xã hội ở cấp vĩ mô nó thể hiện ở “sự biến đổi cấu trúc của hệ giá trị trong đó có các giá trị cũ bị vượt qua hoặc bị loại bỏ, một hệ giá trị mới xuất hiện” (Lê Ngọc Hùng, 2015, tr.12).

Cho đến nay, có rất nhiều cách tiếp cận và các định nghĩa khác nhau về văn hóa nhưng để đo lường, đánh giá các chiều cạnh của biến đổi văn hóa, chúng tôi sử dụng định nghĩa về văn hóa được UNESCO đưa ra trong “Tuyên bố toàn cầu về đa dạng văn hóa”, theo đó “Văn hóa là tập hợp các đặc trưng tiêu biểu về tinh thần, vật chất, tri thức và xúc cảm của xã hội hoặc một nhóm người trong xã hội; văn hóa không chỉ bao gồm văn học và nghệ thuật, mà còn bao gồm cả phong cách sống, phương thức chung sống, các hệ giá trị, truyền thống và niềm tin” (UNESCO, 2001; Viện thống kê UNESCO (UIS), 2009, tr.9). Sở dĩ chúng tôi chọn định nghĩa văn hóa theo cách tiếp cận của UNESCO bởi định nghĩa này có liên hệ mật thiết với cách thức mà các cộng đồng xác định bản sắc của mình (bản sắc văn hóa là “những cái riêng, cái khác biệt đa dạng của các

nền văn hóa của các cộng đồng, các tộc người, các quốc gia dân tộc do các thành viên của nó sáng tạo ra” (Phạm Minh Hạc, 2012, tr.202). Những đặc trưng hay bản sắc về văn hóa theo định nghĩa này có thể đo lường được, mặc dù có một số câu hỏi không phải lúc nào cũng đo lường được một cách trực tiếp như niềm tin và giá trị, nhưng chúng ta có thể đo được các thói quen và hành vi liên quan. Vì thế, chúng ta có thể đánh giá các đặc trưng hay sự biến đổi bản sắc văn hóa thông qua việc xác định và đo lường hành vi và tập quán được sinh ra từ niềm tin và các giá trị của một xã hội hay của một nhóm người trong xã hội.

Khi đo lường đánh giá biến đổi văn hóa, dựa vào định nghĩa văn hóa của UNESCO đã được trích dẫn ở phần trên, cũng như dựa vào cách tiếp cận phân mảng văn hóa của Trần Ngọc Thêm (2018), chúng ta có thể xác định sự biến đổi văn hóa thông qua một số chiều cạnh cơ bản bao gồm: 1) Biến đổi phương thức sản xuất trong đó có tập quán sản xuất và các hình thức hợp tác trong lao động, sản xuất; 2) Những biến đổi trong cách thức tổ chức cộng đồng được thể hiện thông qua các quan hệ xã hội cơ bản như: Quan hệ gia đình, dòng họ; Tính cố kết cộng đồng. 3) Biến đổi trong văn hóa tổ chức đời sống cá nhân bao gồm các tín ngưỡng, tôn giáo, một số phong tục tập quán cơ bản liên quan đến hôn nhân và văn hóa giao tiếp thể hiện trong nghệ thuật ngôn từ. Trong khuôn khổ của bài viết này tác giả chỉ tập trung mô tả sự biến đổi văn hóa ở khía cạnh những biến đổi trong cách thức tổ chức cộng đồng và biến đổi trong văn hóa tổ chức đời sống cá nhân. Mặc dù các khía cạnh được sử dụng để đo lường biến đổi văn hóa nêu trên chưa bao hàm toàn bộ nội hàm của khái niệm văn hóa, tuy nhiên nó phản ánh những đặc trưng cơ bản nhất để có thể thấy được bản sắc văn hóa của một cộng đồng dân cư nhất định.

Số liệu được sử dụng trong bài viết lấy từ kết quả điều tra năm 2020 với mẫu nghiên cứu gồm 1798 người dân khu vực đô thị vùng Tây Nam Bộ của đề tài cấp Nhà nước: “Tác động xã hội trong phát triển đô thị Vùng Tây Nam Bộ” mã số: ĐT/14-19/X14 do PGS. TS. Phạm Minh Anh làm chủ nhiệm. Bên cạnh đó, bài viết cũng sử dụng số liệu từ cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục Thống kê và các dữ liệu khác được tổng hợp thông qua phương pháp phân tích tài liệu.

## **2. Các chiều cạnh của sự biến đổi văn hóa trong bối cảnh phát triển đô thị vùng Tây Nam Bộ**

### **2.1. Những biến đổi trong cách thức tổ chức đời sống cộng đồng**

*Một là, biến đổi trong quan hệ gia đình, dòng họ*

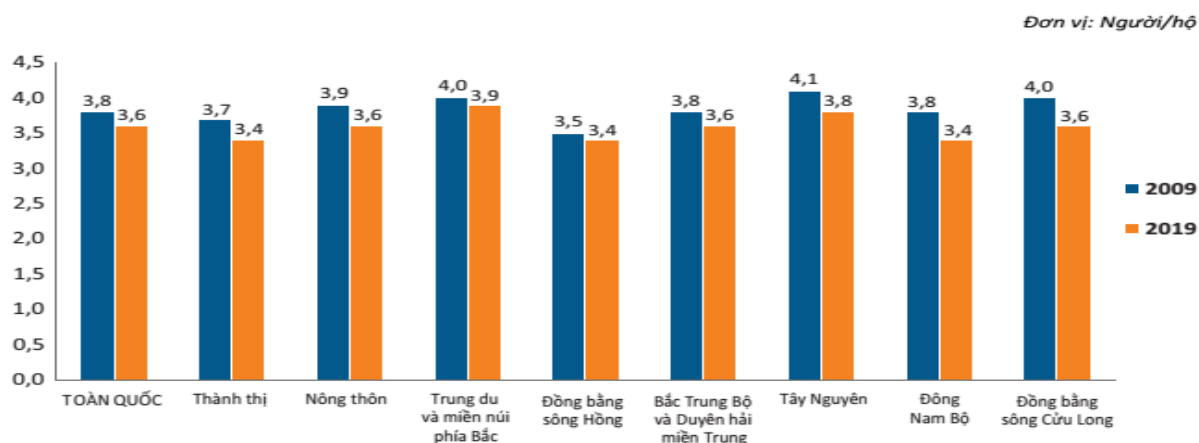
Cũng giống như các gia đình trên khắp mọi miền tổ quốc, gia đình của phần lớn người Tây Nam Bộ là gia đình phụ hệ, trừ gia đình của người Khmer có nhiều nét đặc trưng của chế độ mẫu hệ. Người đàn ông, người chồng thường được coi là chủ gia đình có vai trò quyết định, chi phối cuộc sống của các thành viên còn lại cũng như chi phối các hoạt động sản xuất, đối nhân xử thế và đời sống tâm linh. Tuy nhiên tính gia trưởng, tính tôn ti, trật tự và sự phân biệt giới tính ít sâu sắc hơn so với các gia đình miền Bắc hay miền Trung (Trần Ngọc Thêm, 2018, tr.166-167).

Đô thị hóa khiến cho các đặc trưng của gia đình vùng Tây Nam Bộ đã ít nhiều thay đổi. Sự biến đổi đầu tiên của gia đình mà chúng ta có thể quan sát được đó là biến đổi trong quy mô hộ. Về quy mô chúng ta thấy trong các thời kỳ trước đây hay so với các vùng nông thôn nơi sản xuất nông nghiệp là phổ biến quy mô các hộ gia đình thường lớn bởi sản xuất nông nghiệp cần nhiều lao động và hoạt động theo mùa vụ do đó các cá nhân cần liên kết lại với nhau trong quá

trình sản xuất. Tuy nhiên các gia đình khu vực đô thị chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp, cộng với sự tác động của chính sách dân số và sự thay đổi trong lối sống do vậy quy mô hộ gia đình ở các khu vực đô thị Vùng Tây Nam Bộ đang có xu hướng thu hẹp lại, các

gia đình hạt nhân xuất hiện ngày càng nhiều trong khi các gia đình truyền thống với nhiều thế hệ cùng sinh sống ngày càng ít đi (Xem số liệu Hình 1 vùng Đồng bằng sông Cửu Long thể hiện trong biểu đồ chính là vùng Tây Nam Bộ).

HÌNH 1. QUY MÔ HỘ BÌNH QUÂN THEO THÀNH THỊ, NÔNG THÔN, THEO 6 VÙNG KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2009-2019



*Nguồn: Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, Nxb Thống kê, tr56.*

Số liệu Hình 1 cho thấy quy mô hộ gia đình vùng Tây Nam Bộ đã giảm từ 4 thành viên năm 2009 xuống còn 3,6 thành viên. Tuy nhiên đó là con số tính chung cho toàn khu vực, nếu xét riêng khu vực đô thị chúng ta thấy quy mô hộ gia đình sẽ còn nhỏ hơn. Số liệu điều tra cho thấy, 67,7% số hộ gia đình sinh sống khu vực đô thị vùng Tây Nam Bộ trong mẫu nghiên cứu là gia đình hạt nhân có từ một đến hai thế hệ, chỉ có 32,4 % số hộ gia đình trong mẫu nghiên cứu là gia đình ba hay hơn ba thế hệ chung sống (Phạm Minh Anh, 2020).

Không chỉ thay đổi về quy mô mà các mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình cũng có nhiều thay đổi. Khi nói đến các mối quan hệ trong gia đình các nhà nghiên cứu thường đề cập đến 2 mối quan hệ chính là: quan hệ theo chiều dọc và quan hệ theo chiều ngang. Quan hệ theo chiều dọc là quan hệ giữa các thế hệ trong gia đình trong đó quan hệ giữa cha mẹ và

con cái là quan hệ chủ yếu. Quan hệ theo chiều ngang là quan hệ giữa vợ - chồng, quan hệ giữa anh, chị, em trong gia đình, trong đó quan hệ vợ - chồng là quan hệ cơ bản. Trong xã hội nông nghiệp truyền thống quan hệ theo chiều dọc là quan hệ cơ bản, chỉ phối các quan hệ khác (Hoàng Thị Quyên, 2014). Tuy nhiên, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa không những làm thay đổi bản thân các mối quan hệ trong gia đình mà còn làm đảo ngược sự tác động qua lại của hai mối quan hệ nêu trên. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa tạo ra nhiều công ăn việc làm, đem lại thu nhập cho các cá nhân đồng thời tách cá nhân ra khỏi gia đình, làng xã. Kinh nghiệm, kiến thức lao động sản xuất không còn chỉ được chuyển giao trong gia đình, gia đình không còn là đơn vị phân công lao động cho các thành viên của nó, do đó trong gia đình, mối quan hệ theo chiều ngang, quan hệ giữa vợ và chồng ngày càng được chú trọng hơn. Từ chỗ là quan hệ thứ yếu bị chi phối nay quan hệ theo

chiều ngang trở thành quan hệ cơ bản, quyết định hạnh phúc của mỗi gia đình. Và ngay bản thân quan hệ vợ chồng cũng có nhiều thay đổi, quan niệm bình đẳng giới được thực hành ngày càng rộng rãi, người vợ không còn phụ thuộc hoàn toàn vào chồng mà ngày càng có tiếng nói nhất định trong gia đình. Trong hôn nhân, người ta ngày càng chú trọng đến việc giữ gìn hạnh phúc lứa đôi. Sinh con đẻ cái không còn là mục đích chính yếu và duy nhất cho sự kết hợp của các đôi lứa.

Mặc dù có nhiều thay đổi nhưng các giá trị chính yếu, cơ bản trong gia đình truyền thống của người Tây Nam Bộ như tôn trọng người già, thương yêu, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau vẫn là những giá trị được bảo lưu và

gìn giữ. Số liệu điều tra của chúng tôi năm 2020 cho thấy 79,2% người dân đô thị trong mẫu nghiên cứu sử dụng thời gian rảnh rỗi để giao tiếp với con cháu. 72,4% người trong mẫu nghiên cứu ủng hộ quan điểm “con cháu sống cùng với người cao tuổi để chăm sóc người cao tuổi hàng ngày” (Bảng 1) (Phạm Minh Anh, 2020). Việc hỗ trợ, giúp đỡ về hiện vật về công sức hay trợ giúp về tinh thần giữa các thành viên trong gia đình vẫn diễn ra thường xuyên. Điều đó cho thấy, với mỗi người dân Tây Nam Bộ, gia đình vẫn luôn là “cộng đồng sinh hoạt là khuôn khổ tồn tại và trưởng thành” (Mai Quỳnh Nam, 2006, tr.297) mặc dù gia đình với đa số cư dân đô thị vùng Tây Nam Bộ không còn là “cộng đồng lao động”.

BẢNG 1. VIỆC TRỢ GIÚP GIỮA CÁC THÀNH VIÊN TRONG GIA ĐÌNH ĐÔ THỊ VÙNG TÂY NAM BỘ

	<b>Rất thường xuyên</b>	<b>Thường xuyên</b>	<b>Thỉnh thoảng</b>	<b>Hiếm khi</b>	<b>Không</b>
Hỗ trợ tiền bạc	283 17,3%	576 32%	613 34,1%	54 3%	114 6,3%
Hỗ trợ hiện vật có giá trị	297 18,1%	719 43,7%	479 28,6%	51 3,1%	107 6,5%
Giúp làm việc nhà	350 21,4%	760 46,5%	365 22,3%	59 3,6%	102 6,2%
Hỗ trợ động viên về tinh thần	324 19,6%	880 53,2%	345 20,9%	48 2,9%	56 3,29%

*Nguồn: Số liệu điều tra 2020 của đề tài cấp Nhà nước: “Tác động xã hội trong phát triển đô thị Vùng Tây Nam Bộ” mã số: ĐT/14-19/X14.*

Về mối quan hệ gia đình và dòng họ, đa số người dân vùng Tây Nam bộ trước đây là người di cư do vậy theo Trần Ngọc Thêm (2018) và nhiều tác giả khác cho rằng mối liên kết dòng họ của người Tây Nam Bộ có phần lỏng lẻo hơn so với quan hệ gia tộc dòng họ của người miền Bắc hay miền Trung, Đối với người Tây Nam Bộ gia tộc đóng vai trò tương đối yếu ớt. Ở “Tây Nam Bộ không có những ràng buộc chặt chẽ mang tính lễ nghi phong tục, cho nên mối quan hệ gia tộc rất nhẹ nhàng” (Trần Ngọc Thêm,

2018, tr.163). Tuy nhiên, Trần Ngọc Thêm và Nguyễn Đức Lộc cũng cho rằng truyền thống liên kết họ tộc vẫn còn ăn sâu vào trong tâm thức nhiều người dân Tây Nam Bộ, do đó, xu hướng liên kết dòng tộc, việc thành lập các tổ chức liên tộc họ là hiện tượng phổ biến của người dân nơi đây (Nguyễn Đức Lộc, 2013, tr.38). Người Tây Nam Bộ có câu “Người mà không biết họ hàng/Cô thân hiu quạnh xóm làng dễ khi” để phản ánh nhu cầu thiết lập gìn giữ mối quan hệ họ tộc.

Liệu quá trình đô thị hóa có làm mai một đi đặc trưng này của người Tây Nam Bộ. Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy 44,9% người dân đô thị trong mẫu nghiên cứu vẫn thường xuyên có hoạt động đi thăm họ hàng, 69,8% người dân vẫn thường xuyên hoặc rất thường xuyên tham gia vào các hoạt động gắn kết họ hàng, làng xóm. Điều đó cho thấy quan điểm cho rằng người dân đô thị có mối quan hệ lỏng lẻo với họ hàng, làng xóm dường như không phù hợp với cư dân đô thị Vùng Tây Nam Bộ.

#### *Hai là, biến đổi trong tính cố kết cộng đồng*

Cố kết cộng đồng là một trong những truyền thống của những lưu dân vùng Tây Nam Bộ. Tác giả Thạch Phương (2014) chỉ ra rằng, “Những lưu dân khi đặt chân vào vùng đất mới đã nhanh chóng kết thành làng xóm để dựa vào nhau làm ăn sinh sống, đùm bọc giúp đỡ nhau trong lúc khó khăn, đoàn kết cùng nhau chống lại thú dữ cũng như bọn trộm cướp cường hào ác bá do đó hình thành ý thức cộng đồng, tính tương thân, tương ái” (Thạch Phương, 2014, tr.57). Tính cố kết cũng xuất phát từ nhu cầu hợp tác trong lao động sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp vì thế hoạt động đổi công/ vần công là hiện tượng diễn ra phổ biến. Ngày nay các cư dân đô thị hoạt động chủ yếu trong công nghiệp và dịch vụ điều đó sẽ làm thay đổi mô hình liên kết cộng đồng giống như Émile Durkheim nhà Xã hội học người Pháp đã mô tả. Durkheim cho rằng “xã hội truyền thống chủ yếu dựa vào đoàn kết cơ học, xã hội hiện đại tồn tại và phát triển trên cơ sở đoàn kết hữu cơ, kiểu đoàn kết dựa trên sự phong phú, đa dạng của các mối liên hệ, tương tác giữa các cá nhân và các bộ phận cấu thành nên xã hội. Xã hội đoàn kết hữu cơ thường có quy mô lớn, ý thức cộng đồng yếu, nhưng tính độc lập, tự chủ cá nhân được đề cao; Các quan hệ xã hội chủ yếu mang tính chất trao đổi và được luật pháp, khế ước kiểm soát và bảo vệ.” (Tony Bilton và các cộng sự, 1993, tr.501-502). Liệu tính cấu kết cộng đồng đang tồn tại

trong các đô thị vùng Tây Nam Bộ có mang những nét đặc trưng của mô hình “đoàn kết hữu cơ” như Durkheim mô tả? Chúng tôi thấy rằng, trong các xã hội đô thị vùng Tây Nam Bộ, sự cấu kết cộng đồng là sự kết hợp đan xen giữa kiểu đoàn kết hữu cơ của xã hội đô thị hiện đại và đoàn kết cơ học của các xã hội truyền thống nơi “Các cá nhân gắn bó với nhau vì sự kiềm chế mạnh mẽ từ phía xã hội và vì lòng trung thành của cá nhân đối với truyền thống, tập tục và quan hệ gia đình”. (Tony Bilton và các cộng sự, 1993, tr.502) Các quan hệ mang tính chất trao đổi, được luật pháp và khế ước kiểm soát, bảo vệ đã dần được hình thành và phát triển phổ biến hơn tuy nhiên các mối quan hệ thân tình, bằng hữu vẫn là quan hệ cơ bản chi phối nhiều hoạt động sống của người dân nơi đây. Nghiên cứu của Trần Hữu Quang (2018) cho thấy trong các mối quan hệ làm ăn các tập quán vần công dựa trên quan hệ thân tình vốn là hình thức hợp tác phổ biến của người dân vùng Tây Nam Bộ đã dần được thay thế bằng các mối quan hệ thuê mướn, quan hệ tiền bạc dựa trên hợp đồng lao động (Trần Hữu Quang, 2018, tr.152). Đây là một trong những dấu hiệu cho thấy sự phổ biến của các quan hệ mang tính chất trao đổi được luật pháp và khế ước kiểm soát. Tuy nhiên nếu nhìn sâu hơn vào các mối quan hệ xã hội được thiết lập chúng ta sẽ thấy ngay cả các quan hệ được thiết lập dưới sự kiểm soát của luật pháp hay khế ước nó vẫn luôn được xây dựng dựa trên nền tảng thân tình bằng hữu, bà con thân thuộc.

#### **2.2. Biến đổi văn hóa tổ chức đời sống cá nhân**

##### *Một là, biến đổi trong hôn nhân*

Theo Trần Ngọc Thêm, “hôn nhân của người Việt Tây Nam Bộ không thoát khỏi các đặc trưng trong hôn nhân của người Việt Bắc, Trung Bộ, việc cưới vợ, gả chồng không chỉ là việc riêng của cá nhân mà là việc chung của gia đình.” (Trần Ngọc Thêm, 2018, tr.250) Với

người Việt “mục đích của cuộc hôn nhân là cốt duy trì gia thống,... hôn nhân là để thực hiện nghĩa vụ của người ta đối với gia tộc và tổ tiên” (Đào Duy Anh, 2000, tr.132). Đối với người Tây Nam Bộ, cách thức tổ chức hôn nhân còn thể hiện thể diện của cá nhân và gia đình. Tục thách cưới và yếu tố sinh lễ rất được coi trọng. Ngày nay ở các khu vực đô thị các giá trị trong hôn nhân đã có ít nhiều thay đổi. Người dân bắt đầu cởi mở hơn với hôn nhân đồng tính hay mô hình phụ nữ đơn thân (những người phụ nữ không kết hôn có con). Số liệu điều tra của đề tài cho thấy 66 người chiếm 22.2% người dân đô thị trong mẫu nghiên cứu khẳng định rằng việc ủng hộ giá trị sống độc thân là tăng lên trong những năm qua, 61 người chiếm 20.8% người dân cho rằng việc ủng hộ xu hướng làm mẹ đơn thân tăng lên trong cộng đồng, 52 người chiếm 18% người dân đô thị trong mẫu nghiên cứu khẳng định xu hướng ủng hộ kết hôn đồng giới. Các tục thách cưới, sinh lễ vẫn được duy trì tuy nhiên người ta không còn xem trọng sinh lễ mà chú trọng nhiều hơn đến cuộc sống của cặp vợ chồng sau hôn nhân.

*Hai là, biến đổi trong văn hóa giao tiếp thể hiện trong nghệ thuật ngôn từ*

“Nghệ thuật sử dụng ngôn từ người Tây Nam Bộ chịu ảnh hưởng khá nhiều của điều kiện tự nhiên, tính cách con người và hoàn cảnh lịch sử” (Trần Ngọc Thêm, 2018, tr.314). Theo (Huỳnh Công Tín, (2013) và Trần Ngọc Thêm, (2018), ngôn ngữ văn chương và ngôn ngữ giao tiếp hàng ngày của người Tây Nam Bộ có 5 đặc điểm cơ bản: “1) Tính hiếu cổ; 2) Tính biểu cảm; 3) Diễn đạt cụ thể; 4) Ưu giản tiện; 5) Mức độ dung hợp văn hóa đậm nét” (Trần Ngọc Thêm, 2018, tr.315). Những đặc trưng này ngày nay vẫn còn được lưu giữ trong cộng đồng người Tây Nam Bộ sinh sống ở các khu đô thị. Người Tây Nam Bộ phân biệt khá rõ các phụ âm đầu như /s/ với /x/; /tr/ với /ch/, tuy nhiên, trong các cộng đồng có đông người Hoa sinh

sống, người Việt Tây Nam Bộ không phân biệt được /r/ với /g/ (cá rô-cá gô), /v/ và /gi/ (vô-giô) (Huỳnh Công Tín, 2013). Cách sử dụng ngôn từ vẫn theo cách nói giản tiện như “bao nhiêu” thành “nhiều”; “năm ấy” - “năm”;... Người Nam Bộ không cũng thích dùng nhiều chữ nghĩa trừu tượng, khó hiểu, không ưu những lời lẽ nhàn nhạt, thiếu sắc khí nên họ ưu dùng cách diễn đạt cụ thể gắn với hình ảnh “kéo cái rết”; “đâm cái râm”; “đi cái một”.

Bên cạnh việc gìn giữ các đặc trưng cơ bản trong ngôn ngữ truyền thống, người Tây Nam Bộ vùng đô thị đã tiếp biến và đưa vào ngôn ngữ hàng ngày của mình nhiều yếu tố mới. Những người Khmer không còn sử dụng ngôn ngữ của dân tộc mình mà chuyển sang dùng tiếng Việt. Ngay bản thân tiếng Việt, trong quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa ngôn ngữ hiện đại của người Việt cũng có nhiều thay đổi thể hiện rõ tính thoáng mở đậm nét trong văn hóa người Tây Nam Bộ.

### 3. Kết luận và hàm ý chính sách

Như vậy, có thể thấy, người dân vùng Tây Nam Bộ trong quá trình đô thị hóa bên cạnh việc thay đổi các đặc trưng văn hóa xưa cũ, họ vẫn lưu giữ nhiều nét văn hóa của người Tây Nam Bộ truyền thống như tính cố kết cộng đồng, trọng tình nghĩa, tính thoáng mở. Mức độ đô thị hóa diễn ra tương đối chậm cùng với quá trình đô thị hóa chủ yếu diễn ra thông qua con đường cưỡng bức, chất lượng đô thị hóa chưa cao khiến cho các đô thị vùng Tây Nam Bộ vẫn mang đặc tính nông thôn rất đậm nét. Xu hướng nông thôn hóa đô thị cũng diễn ra nên đã tạo diện mạo đô thị nông thôn một mô hình dung hợp giữa thành thị và nông thôn. Ưu điểm lớn của mô hình này là việc lưu giữ được các giá trị văn hóa tốt đẹp của người Việt như tính cộng đồng, trọng tình nghĩa nhưng bản thân nó cũng có nhiều khuyết điểm yếu kém dẫn đến cản trở quá trình hiện đại hóa đô thị như tính tùy tiện, sự manh mún, thiếu ý thức tổ chức kỷ luật... Do

đó, để phát huy những nét đẹp trong đặc trưng văn hóa người Tây Nam Bộ nhằm xây dựng và phát triển văn hóa con người đô thị vùng Tây Nam Bộ đáp ứng yêu cầu phát triển theo hướng bền vững, chúng tôi đề xuất mô hình phát triển đô thị vùng Tây Nam Bộ như sau:

Một là, Nhà nước cần tạo dựng cơ chế, chính sách phát triển đô thị vùng Tây Nam Bộ theo hướng đa trung tâm trên cơ sở phát triển các vùng sinh thái nông nghiệp với mô hình phát triển đô thị bền vững. Việc phát triển mô hình đô thị đa trung tâm trên cơ sở phát triển các vùng sinh thái nông nghiệp sẽ giúp Tây Nam Bộ phát huy thế mạnh về kinh tế, văn hóa xã hội để bảo tồn lưu giữ các giá trị văn hóa tốt đẹp đồng thời giải quyết nhiều vấn đề trong phát triển kinh tế xã hội như di cư, tập trung dân cư vào các vùng đô thị lõi gây áp lực đến môi trường hạ tầng cơ sở cũng như tạo ra sự bất bình đẳng. Oswald Spengler (1928) cho rằng: “khi các đô thị càng phát triển lớn lên thì người dân ở đây càng cảm thấy mình khác so với những người dân sống ở nông thôn. Càng về sau, các đô thị càng tách rời khỏi thiên nhiên với những của cải, quyền lực và logic của nó. Kết quả là, đô thị mất đi cái “linh hồn tự nhiên”, dẫn đến suy thoái và rốt cục sẽ chết” (dẫn theo Northrop Frye, 1974, tr.1-13). Thực tế phát triển đô thị Việt Nam những năm qua cho thấy, việc tập trung phát triển các vùng đô thị lõi như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, trong khi các đô thị vùng chưa phát triển đầy chúng ta đứng trước nhiều thách thức. Các dòng di cư từ Tây Nam Bộ về Đông Nam bộ diễn ra ngày càng nhiều. Điều này tạo ra thách thức lớn cho việc phát triển hạ tầng đô thị lõi như Thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương nhưng lại khiến cho các tỉnh vùng Tây Nam Bộ thiếu nguồn lực đặc biệt nguồn nhân lực cho phát triển. Nếu như những năm tới đô thị hóa vẫn diễn ra theo xu hướng nêu trên chúng ta sẽ tạo ra khuôn mẫu (mô hình) sử dụng đất và tổ chức không gian theo mô hình

mà Ernest Burgess gọi là “mô hình vòng tròn đồng tâm” (Jean-Michel Wachberger, 2014). Đặc trưng của mô hình cư trú sinh thái này là các đô thị tổ chức và phát triển tập trung từ trong ra ngoài, xuất phát từ tâm là các trung tâm kinh doanh thương mại. Sau đó là các vùng chuyên tiếp, đây là nơi hình thành nhiều hoạt động kinh doanh thương mại mới và công nghiệp nhẹ các khu dân cư sống tập trung theo nguồn gốc tôn giáo của những người nhập cư mới đến, và cũng là nơi tập trung các hoạt động buôn bán bất hợp pháp và mại dâm. Không gian đô thị ở đây thường xuống cấp với các khu nhà ổ chuột, môi trường không an toàn.

Do đó Tây Nam Bộ cần phát huy lợi thế về kinh tế- văn hóa của mình nhằm tổ chức một mô hình phân bố dân cư và sinh thái mà Chauncy Harris và Edward gọi là “mô hình đa hạt nhân trong tổ chức lãnh thổ” (Jean-Michel Wachberger, 2014). Theo mô hình này các thành phố thường duy trì cách tổ chức ban đầu với mô hình đa hạt nhân với một vùng lõi và các vùng lân cận xoay quanh hạt nhân đó. Sự hình thành của các khu vực hạt nhân mới là kết quả của xu hướng tập hợp các hoạt động cùng loại vào một khu vực, hoặc xu hướng một số các hoạt động khác tự đẩy ra xa trung tâm. Việc phát triển mô hình này giúp đô thị vùng Tây Nam Bộ phát huy thế mạnh trong phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông sản và phát triển dịch vụ du lịch sinh thái. Mô hình này vừa phù hợp với đặc trưng sông nước, đặc trưng văn hóa nông nghiệp của cư dân nơi đây vừa là phương thức để chúng ta bảo tồn các nét văn hóa con người Tây Nam Bộ theo hướng “gắn hoạt động kinh tế thương mại với các đặc thù văn hoá, dân tộc”. Nó tạo ra sự giao thoa kết nối cư dân nông thôn và đô thị.

Hai là, cần phát huy các giá trị văn hóa bản địa tạo lập một môi trường sống đầy đủ, an toàn, lành mạnh, giảm thiểu các tác động sinh thái trên lãnh thổ. Để thực hiện nhóm giải pháp

này cần tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng theo hướng tôn trọng yếu tố thuộc về tự nhiên, các yếu tố văn hóa vốn có. Do đó khi thiết kế không gian đô thị cần coi nước là mắt xích quan trọng của hệ sinh thái đô thị. Phát triển các giá trị cảnh quan của yếu tố nước trong đô thị thông qua xây dựng cơ sở hạ tầng. Những năm qua việc áp dụng tư duy phát triển của miền Bắc và miền Trung nên nhiều nét đặc trưng trong văn hóa- kinh tế- xã hội của Tây Nam Bộ đã bị quên lãng không được chú trọng đầu tư phát triển. Ví dụ khi phát triển giao thông liên lạc nhà nước thường chú trọng đầu tư phát triển các tuyến đường bộ trong khi lợi thế đường thủy của vùng Tây Nam Bộ chưa được khai thác. Theo đó để phát triển hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế đồng thời bảo lưu giá trị văn hóa của vùng sông nước cần lưu ý đến lợi thế tự nhiên của vùng. Cần đầu tư phát triển giao thông đường thủy như biện pháp để thúc đẩy kinh tế nhưng cũng là giải pháp để giữ gìn đặc trưng văn hóa cho phát triển du lịch. Trong phát triển kiến trúc không gian đô thị cần chú trọng xây dựng các

không gian đô thị gắn liền với sông nước. Sự kết hợp giữa không gian cư trú sinh hoạt với sông nước sẽ tạo nên hình ảnh độc đáo riêng của đô thị sông nước vùng Tây Nam Bộ mà không phải đô thị nào cũng có được. Theo đó, cấu trúc đô thị vùng Tây Nam Bộ cần được xây dựng trên cơ sở phát huy phương tiện và tập quán đi lại bằng thuyền trên sông, điều đó sẽ tạo điều kiện khai thác tối đa hệ thống giao thông đường thủy, là tiền đề quan trọng để người nông dân tiếp cận được đô thị một cách chủ động và thoải mái. Bên cạnh đó cần xem xét yếu tố sông nước như là các tiền đề phát triển và xây dựng các đô thị sinh thái. Điều này vừa tạo lập tính bản địa - cốt lõi của bản sắc không gian đô thị - vừa mang tính hiện đại trong xu thế toàn cầu hoá. Trong tổ chức không gian sinh hoạt công cộng cần thể hiện sự phối kết không gian mặt nước và không gian đi bộ. Những loại hình sinh hoạt văn hoá gắn với sông nước như đua thuyền, đua ghe truyền thống, thả đèn lồng, tổ chức đàn ca tài tử trên sông... là những nét đẹp văn hoá của vùng đất Tây Nam Bộ cần giữ gìn và phát huy.

### Tài liệu tham khảo

- Đào Duy Anh (2000). *Việt Nam văn hóa sử cương*. Nxb Văn hóa thông tin.
- Gunter Endruweit và Gisela Trommsdorff (2002). *Từ điểm xã hội học*. Nxb Thế giới.
- Hoàng Thị Quyên (2014). Quan hệ chiều dọc trong gia đình Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. *Bản tin Xã hội học và tâm lý lãnh đạo quản lý*, số 2/2014.
- Huỳnh Công Tín (2013). *Đặc trưng văn hóa Nam Bộ qua phương ngữ*. Nxb Chính trị quốc gia.
- Jean-Michel Wachsberger (2014). Phát hiện, đo lường và lý giải các hiện tượng phân biệt không gian-xã hội. <http://www.tamdaoconf.com/vi/2015/08/23/3768/> [Truy cập 20/4/2021].
- Lê Ngọc Hùng (2015). Biến đổi xã hội: Khái niệm và cách tiếp cận nghiên cứu và phát triển. *Kỷ yếu hội thảo Biến đổi xã hội Việt Nam dưới cách tiếp cận xã hội học*.
- Mai Quỳnh Nam (2006). *Những vấn đề xã hội học trong công cuộc đổi mới*. Nxb Chính trị quốc gia.
- Nguyễn Đức Lộc (2013). *Cấu hình xã hội, cộng đồng Công giáo Bắc di cư tại Nam Bộ, từ kích thước cộng đồng đến kích thước cá nhân*. Nxb Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh.
- Northrop Frye (1974). *The Decline of the West by Oswald Spengler* *Daedalus, Twentieth-Century Classics Revisited*, No. 1, Vol. 103, pp. 1- 13.
- Phạm Minh Anh (2020). *Tác động xã hội trong phát triển đô thị Vùng Tây Nam Bộ*. Đề tài cấp Nhà nước, mã số: ĐT/14-19/X14.
- Phạm Minh Hạc (2012). *Giá trị học*. Nxb Dân trí.
- Thạch Phương và các cộng sự (2014). *Văn hóa dân gian người Việt Ở Nam Bộ*. NXb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Tony Bilton, Kenvin Bonnett, Philip Jones, Michelle Stanworth, Ken Sheard và Andrew Webster (1993). *Nhập môn xã hội học*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Trần Hữu Quang (2018). *Ứng xử kinh tế của nông hộ (Khảo sát xã hội học tại châu thổ sông Cửu Long*. Nxb Hồng Đức.
15. Trần Ngọc Thêm (2018). *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*. Nxb Văn hóa, nghệ thuật.
16. UNESCO (2001). UNESCO Universal Declaration on Cultural Diversity. Retrieved at [http://portal.unesco.org/en/ev.php-URL\\_ID=13179&URL\\_DO=DO\\_TOPIC&URL\\_SECTION=201.html](http://portal.unesco.org/en/ev.php-URL_ID=13179&URL_DO=DO_TOPIC&URL_SECTION=201.html)
17. Viện thống kê UNESCO (UIS) (2009). *Khung thống kê văn hóa UNESCO 2009*. Nxb Viện thống kê UNESCO P.O, Canada.

---

**Thông tin tác giả:**

**1. Đinh Văn Thụy, TS.**

- Đơn vị công tác: Học viện Chính trị khu vực IV
- Địa chỉ email: [dinhvanthuy@gmail.com](mailto:dinhvanthuy@gmail.com)

Ngày nhận bài: 23/2/2021

Ngày nhận bản sửa: 10/5/2021

Ngày duyệt đăng: 15/6/2021

**2. Hoàng Thị Quyên, ThS.**

- Đơn vị công tác: Học viện Chính trị khu vực IV